

Số: 194 /TTr-VP

Tây Ninh, ngày 28 tháng 8 năm 2017

V/v thông nhất nội dung báo cáo tháng công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng.

Kính gửi:

- Thủ trưởng các sở;
- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố;
- Chánh Thanh tra các sở, huyện, thành phố.

Tiếp tục thực hiện Công văn số 735/UBND-TD ngày 28 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấn chỉnh công tác báo cáo theo Thông tư số 03/TT-TTCT; Công văn số 2052/UBND-TD ngày 04/8/2017 về việc điều chỉnh thời gian gửi báo cáo về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng định kỳ theo Thông tư số 03/TT-TTCT.

Trong thời gian qua, Thanh tra các sở, huyện, thành phố đã duy trì việc báo cáo định kỳ hàng tháng về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng theo quy định tại Công văn số 93/TTr-NV3 ngày 14 tháng 5 năm 2015 của Thanh tra tỉnh và Công văn số 735/UBND-TD ngày 28/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh theo thời gian quy định. Tuy nhiên, về nội dung báo cáo tháng chưa đầy đủ, chưa thể hiện rõ vấn đề cần báo cáo, nhiều đơn vị, địa phương chỉ báo cáo số liệu của cơ quan Thanh tra dẫn đến không phản ánh được những nội dung cơ bản thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc sở, Chủ tịch UBND huyện.

Để khắc phục những tồn tại trên, nhằm nâng cao chất lượng báo cáo hàng tháng về kết quả thực hiện quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng theo quy định, Thanh tra tỉnh đề nghị Thủ trưởng các sở, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chỉ đạo Chánh thanh tra các sở, huyện, thành phố thực hiện thống nhất nội dung báo cáo tháng *theo Đề cương và biểu mẫu kèm theo Công văn này.*

Lưu ý: Số liệu tiếp dân, xử lý đơn thư là của Ban tiếp công dân huyện, Địa điểm tiếp công dân của Sở, số liệu giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện, Giám đốc Sở.

- Thời gian gửi báo cáo về thanh tra tỉnh: **chậm nhất ngày 10 hàng tháng**, kèm theo bản mềm qua eOffice hoặc gửi vào hộp thư điện tử thanhtratinh@tayninh.gov.vn

Đề nghị Thủ trưởng các sở, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Chánh Thanh tra các sở, huyện, thành phố thực hiện tốt nội dung Công văn này, trong

quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo về thanh tra tỉnh để thống nhất thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- LĐ Thanh tra tỉnh;
- Các phòng NV Thanh tra tỉnh;
- Lưu: VT, VP (Tiến 03b)

CHÁNH THANH TRA



Trần Văn Minh Trí

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO THÁNG

Về kết quả thực hiện công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng

I. CÔNG TÁC THANH TRA

1. Thanh tra hành chính

Kết quả triển khai: tổng số cuộc thanh tra đang thực hiện, nêu tên từng cuộc Thanh tra, (trong đó, kỳ trước chuyển sang, triển khai trong kỳ; số cuộc thanh tra theo kế hoạch, số cuộc thanh tra đột xuất); số cuộc kết thúc thanh tra trực tiếp, số cuộc ban hành kết luận.

Nội dung kết luận thanh tra đã ban hành: số đơn vị có vi phạm/ số đơn vị được thanh tra; Số tiền, tài sản vi phạm phát hiện trong quá trình thanh tra; kiến nghị thu hồi cho nhà nước, kiến nghị khác; số tiền, tài sản đã thu; Kiến nghị xử lý hành chính (số tổ chức, số cá nhân); chuyên cơ quan điều tra xử lý (số cuộc, số đối tượng).

Kết quả kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra và quyết định xử lý về thanh tra: Số kết luận và quyết định xử lý được kiểm tra trong kỳ báo cáo (kể cả các Quyết định, kết luận của các kỳ trước chưa thực hiện xong chuyển sang); Kết quả thực hiện các kiến nghị (về kinh tế, hành chính và chuyên cơ quan điều tra xử lý).

2. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành

Kết quả triển khai: Tổng số cuộc đã thực hiện trong kỳ, nêu tên các cuộc thanh tra, kiểm tra trong kỳ, (trong đó, số cuộc có thành lập đoàn, số cuộc thanh tra độc lập); Số đối tượng được thanh tra (cá nhân, tổ chức).

Kết quả thanh tra: Số cá nhân, tổ chức vi phạm; Nội dung các vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra; tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành (tổ chức, cá nhân); tổng số tiền vi phạm (tổ chức, cá nhân); số tiền xử lý tài sản vi phạm; số tiền kiến nghị thu hồi; số tiền xử phạt vi phạm (tổ chức, cá nhân), số giấy phép thu hồi, bãi bỏ....., Số tiền đã thu (tổ chức, cá nhân).

3. Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra

Công tác triển khai: Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra; số đơn vị được thanh tra, kiểm tra trách nhiệm; tổng số cuộc kết thúc thanh tra, kiểm tra trực tiếp tại đơn vị; đã ban hành kết luận.

Kết quả thanh tra, kiểm tra: Số đơn vị có vi phạm/số đơn vị được thanh tra, kiểm tra; Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra.

Kiến nghị: kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, xử lý khác (nếu có); Kết quả thực hiện các kiến nghị.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THƯ, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

1. Công tác tiếp công dân

Tổng số lượt tiếp, số người được tiếp (tiếp thường xuyên; định kỳ và đột xuất của lãnh đạo); số vụ việc (cũ, mới phát sinh); số đoàn đông người (báo cáo cụ thể tên từng nội dung đoàn đông người, **có thể hoặc đã phát sinh điểm nóng, kết quả xử lý**).

Nội dung tiếp công dân: Nội dung khiếu nại, tố cáo ở các lĩnh vực: hành chính; tư pháp; chính trị, văn hoá, xã hội; tố cáo tham nhũng).

Kết quả phân loại, xử lý qua tiếp công dân (số vụ việc chưa được giải quyết, số vụ việc đã được giải quyết: đã được giải quyết nhưng chưa có quyết định giải quyết; số vụ việc đã được giải quyết lần 1, lần 2, lần cuối cùng; số vụ việc đã có bản án của tòa).

Công tác tiếp công dân của chủ tịch UBND cùng cấp: Tổng số ngày theo lịch tiếp dân của Chủ tịch UBND cùng cấp, trong đó số ngày chủ tịch UBND trực tiếp tiếp, số ngày Chủ tịch ủy quyền tiếp (nêu rõ tên, đơn vị người được ủy quyền), lý do ủy quyền.

2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo

Tổng số đơn phải xử lý trong kỳ (đơn nhận trong kỳ, đơn chưa được xử lý kỳ trước chuyển sang), trong đó, nêu số đơn đủ điều kiện xử lý (số đơn khiếu nại; số đơn tố cáo; số đơn phản ánh, kiến nghị khác).

Phân loại đơn khiếu nại, tố cáo: Theo nội dung: lĩnh vực hành chính; tư pháp; chính trị, văn hoá, xã hội; tố cáo tham nhũng. Theo thẩm quyền: Số đơn của các cơ quan hành chính các cấp, số đơn của cơ quan tư pháp; số đơn của cơ quan Đảng. Theo trình tự giải quyết: chưa được giải quyết; đã được giải quyết lần đầu; đã được giải quyết nhiều lần.

Kết quả xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo nhận được: số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền; số lượng văn bản đôn đốc việc giải quyết; số đơn trả lại và hướng dẫn công dân đến cơ quan có thẩm quyền; số đơn thuộc thẩm quyền (khiếu nại, tố cáo).

3. Kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền

a) Giải quyết đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền

Tổng số đơn khiếu nại/tổng số vụ việc (trong đó: số đơn tồn kỳ trước chuyển sang, số đơn trong kỳ); số vụ việc đã giải quyết (thông qua giải thích, thuyết phục; giải quyết bằng quyết định hành chính); số vụ việc giải quyết lần 1, lần 2 và trên 2 lần.

Kết quả giải quyết: số vụ việc khiếu nại đúng, số vụ việc khiếu nại sai, số vụ việc khiếu nại đúng một phần; tổng số tiền, đất, tài sản kiến nghị thu hồi về cho Nhà nước và trả lại cho công dân; phát hiện và kiến nghị xử lý vi phạm qua giải quyết khiếu nại (kiến nghị xử lý hành chính, kiến nghị chuyển cơ quan điều

tra xử lý); số vụ việc giải quyết đúng hạn, số vụ việc giải quyết quá hạn.

Việc thi hành kết luận, quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật của UBND tỉnh và UBND huyện (tổng số quyết định giải quyết khiếu nại phải tổ chức thực hiện; số quyết định đã thực hiện xong); Kết quả thực hiện kết luận, quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật (về kinh tế, hành chính và chuyển cơ quan điều tra xử lý).

b) Giải quyết đơn tố cáo thuộc thẩm quyền

Tổng số đơn tố cáo/ tổng số vụ việc (trong đó: số đơn tồn kỳ trước chuyển sang, số đơn trong kỳ); số vụ việc đã giải quyết.

Kết quả giải quyết: số vụ việc tố cáo đúng, số vụ việc tố cáo sai, số vụ việc tố cáo đúng một phần; tổng số tiền, đất, tài sản kiến nghị thu hồi về cho Nhà nước và trả lại cho công dân; phát hiện và kiến nghị xử lý vi phạm qua giải quyết tố cáo (hành chính, chuyển cơ quan điều tra xử lý); số vụ việc giải quyết đúng hạn, số vụ việc giải quyết quá hạn.

Việc thi hành quyết định xử lý tố cáo của Chủ tịch UBND tỉnh và Chủ tịch UBND huyện (tổng số quyết định phải tổ chức thực hiện; số quyết định đã thực hiện xong); Kết quả thực hiện quyết định xử lý tố cáo (về kinh tế, hành chính và chuyển cơ quan điều tra xử lý).

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo

Việc triển khai các cuộc thanh tra: Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra/số đơn vị được thanh tra, kiểm tra trách nhiệm; Tổng số cuộc kết thúc thanh tra, kiểm tra trực tiếp tại đơn vị; số cuộc đã ban hành kết luận.

Kết quả thanh tra, kiểm tra: Số đơn vị có vi phạm/số đơn vị được thanh tra, kiểm tra; Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra.

Kiến nghị: kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, xử lý khác (nếu có); kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước; Kết quả thực hiện các kiến nghị.

III. CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG

1. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng

Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của đơn vị, địa phương.

Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra.

Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của địa phương.

Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác.

2. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Việc triển khai các cuộc thanh tra: Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra/số đơn vị được thanh tra, kiểm tra trách nhiệm; Tổng số cuộc kết thúc thanh tra, kiểm tra trực tiếp tại đơn vị; đã ban hành kết luận.

Kết quả thanh tra, kiểm tra: Số đơn vị có vi phạm/số đơn vị được thanh tra, kiểm tra; Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra.

Kiến nghị: kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, xử lý khác (nếu có); kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước; Kết quả thực hiện các kiến nghị.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG KỲ TIẾP THEO

1. Công tác thanh tra
2. Công tác tiếp dân, xử lý đơn thư, giải quyết KNTC
3. Công tác phòng chống tham nhũng

TÊN ĐƠN VỊ:.....

Biểu số 1a

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH
(số liệu tính từ ngày...../.../.....đến.....ngày.../.../...)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra							Số đơn vị được thanh tra	Số đơn vị có vi phạm	Tổng vi phạm		Kiến nghị thu hồi		Kiến nghị khác		Kiến nghị xử lý				Đã thu		Kiểm tra, đơn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra								Ghi chú	
	Tổng số	Đang thực hiện		Hình thức		Tiến độ				Tiền (hoặc tài sản quy thành tiền)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tổng số KLTT và QĐ xử lý đã kiểm tra, đơn đốc	Kết quả kiểm tra, đơn đốc								
		Kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ báo cáo	Theo Kế hoạch	Đột xuất	Kết thúc thanh tra trực tiếp	Đã ban hành kết luận									Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng				Tiền (Trđ)		Đất (m ²)		Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố		
																							Phải thu	Đã thu	Phải thu	Đã thu	Tổ chức	Cá nhân	Vụ		Đối tượng
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
Tổng																															

..., ngày tháng năm.....

Lưu ý:

- Cột (1) = (2) + (3) = (4) + (5)
- Cột (10) = (12) + (14)
- Cột (11) = (13) + (15)
- Biểu này không bao gồm kết quả thanh tra chuyên ngành và kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN
- Cột 20, 21 là Tổng kết quả thu hồi trong quá trình thanh tra hoặc ngay sau khi có kết luận thanh tra
- Cột "Đơn vị" để các sở, huyện, thành phố thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

TÊN ĐƠN VỊ:.....

Biểu số 1b

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN
(số liệu tính từ ngày...../.../.....đến.....ngày.../.../...)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra							Số đơn vị được thanh tra	Số đơn vị có vi phạm	Tổng vi phạm		Kiến nghị thu hồi		Kiến nghị khác		Kiến nghị xử lý				Đã thu		Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra								Ghi chú	
	Tổng số	Đang thực hiện		Hình thức		Tiến độ				Tiền (hoặc tài sản quy thành tiền)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tổng số KLTT và QĐ xử lý đã kiểm tra, đôn đốc	Kết quả kiểm tra, đôn đốc								
		Kỳ trước chuyên sang	Triển khai trong kỳ báo cáo	Theo Kế hoạch	Đột xuất	Kết thúc thanh tra trực tiếp	Đã ban hành kết luận									Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng				Tiền (Trđ)		Đất (m ²)		Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố		
																							Phải thu	Đã thu	Phải thu	Đã thu	Tổ chức	Cá nhân	Vụ		Đối tượng
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
Tổng																															

..., ngày tháng năm

- Lưu ý:**
- Cột (1) = (2) + (3) = (4) + (5)
 - Cột (10) = (12) + (14)
 - Cột (11) = (13) + (15)
 - Biểu này không bao gồm kết quả thanh tra chuyên ngành và kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết KNTC và PCTN
 - Cột 20,21 là Tổng kết quả thu hồi trong quá trình thanh tra hoặc ngay sau khi có kết luận thanh tra

TÊN ĐƠN VỊ:.....

Biểu số 1c

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH
(số liệu tính từ ngày...../.../.....đến.....ngày.../.../...)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra							Số đơn vị được thanh tra	Số đơn vị có vi phạm	Số tiền vi phạm	Số tiền kiến nghị thu hồi	Kiến nghị khác (tiền)	Kiến nghị xử lý				Số tiền đã thu	Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra						Ghi chú	
	Tổng số	Đang thực hiện		Hình thức		Tiến độ							Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra			Tổng số KLTT và QĐ xử lý đã kiểm tra, đôn đốc	Kết quả kiểm tra, đôn đốc						
		Kỳ trước chuyên sang	Triển khai trong kỳ báo cáo	Theo Kế hoạch	Đột xuất	Kết thúc thanh tra trực tiếp	Đã ban hành kết luận						Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng			Tiền		Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố		
																			Phải thu	Đã thu	Tổ chức	Cá nhân	Vụ		Đối tượng
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
Tổng																									

..., ngày thángnăm.....

Lưu ý:

- Cột (1) = (2) + (3) = (4) + (5)
- Cột (10) = (11) + (12)
- Biểu này không bao gồm kết quả thanh tra chuyên ngành và kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN
- Cột 17 là Tổng kết quả thu hồi trong quá trình thanh tra hoặc ngay sau khi có kết luận thanh tra
- Cột "Đơn vị" để các sở, huyện, thành phố thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

TÊN ĐƠN VỊ:.....

Biểu số 1d

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI
(số liệu tính từ ngày...../.../.....đến.....ngày.../.../...)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra							Số đơn vị được thanh tra	Số đơn vị có vi phạm	Tổng vi phạm		Các dạng vi phạm về đất (m ²)										Kiến nghị thu hồi		Kiến nghị khác		Kiến nghị xử lý				Đã thu			Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra								Ghi chú		
	Đang thực hiện			Hình thức		Tiến độ				Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Đất lấn chiếm	Giao đất, cấp đất sai đối tượng, quy định	Cấp, bán đất trái thẩm quyền	Cấp GCN QSD đất sai (hồ sơ)	Chuyển nhượng, cho thuê không đúng quy định	Sử dụng đất không đúng mục đích, sai quy định	Bỏ hoang hóa	Vi phạm khác	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	QĐ giao đất (số QĐ)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	QĐ giao đất (số QĐ)	Tổng số KLTĐ và QĐ xử lý đã kiểm tra, đôn đốc	Kết quả kiểm tra, đôn đốc										
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ báo cáo	Theo Kế hoạch	Đột xuất	Kết thúc thanh tra trực tiếp	Đã ban hành kết luận																		Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng					Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Phái thu	Đã thu	Phái thu	Đã thu	Tổ chức	Cá nhân		Vụ	Đối tượng
										Phái thu	Đã thu	Phái thu	Đã thu	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng																										
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41		
Tổng																																											

..., ngày tháng năm

- Lưu ý:**
- Cột (1) = (2) + (3) = (4) + (5)
 - Cột (11) = (12) + (13) + (14) + (15) + (16) + (17) + (18) + (19)
 - Biểu này không bao gồm kết quả thanh tra chuyên ngành và kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN
 - Cột 29, 30, 31 là Tổng kết quả thu hồi trong quá trình thanh tra hoặc ngay sau khi có kết luận thanh tra
 - Cột "Đơn vị" để các sở, huyện, thành phố thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

TÊN ĐƠN VỊ:.....

Biểu số 1e

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH
(số liệu tính từ ngày.../.../...đến...ngày.../.../...)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra, kiểm tra			Số cá nhân được thanh tra, kiểm tra		Số tổ chức được thanh tra, kiểm tra		Kết quả																		Ghi chú	
	Tổng số	Thành lập đoàn	Thanh tra độc lập					Số có vi phạm			Số QĐ xử phạt hành chính được ban hành			Số tiền vi phạm			Số tiền kiến nghị thu hồi	Số tiền xử lý tài sản vi phạm			Số tiền xử phạt vi phạm			Số tiền đã thu			
				Thanh tra	Kiểm tra	Thanh tra	Kiểm tra	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức		Tổng số	Tịch thu (thành tiền)	Tiêu hủy (thành tiền)	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Cá nhân		Tổ chức
MS	1=2+3	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16	17	18=19+20	19	20	21=22+23	22	23	24=25+26	25	26	27
Tổng																											

..., ngày tháng năm

- Lưu ý:**
- Cột (17) áp dụng cho các địa phương, thanh tra ngành Thuế và một số Bộ, ngành có tính chất đặc thù (như Bộ Lao động, thương binh & xã hội; Bộ Giao thông vận tải...)
 - Cột (21) là giá trị tài sản tịch thu sau khi đã xử lý nộp về ngân sách
 - Cột (24), (25), (26) là số tiền đã thu từ kết quả kiến nghị thu hồi từ Cột 17 + Số tiền tài sản vi phạm đã xử lý từ Cột 18 + Số tiền xử phạt vi phạm đã thu từ Cột 21
 - Cột "Đơn vị" để các sở thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THANH TRA
(số liệu tính từ ngày...../...../.....đến.....ngày...../...../.....)

Đơn vị	Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo (Bộ, ngành, tỉnh, TP) về công tác thanh tra		Tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân				Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm						Kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra trách nhiệm, quyết định xử lý				Ghi chú				
			Pháp luật về thanh tra		Pháp luật về thanh tra, KNTC, PCTN		Thực hiện pháp luật về thanh tra		Thực hiện pháp luật về thanh tra, KNTC, PCTN		Số đơn vị có vi phạm	Kiến nghị xử lý		Tổng số KLTT và QĐ xử lý đã kiểm tra	Kết quả kiểm tra						
	Số văn bản ban hành mới	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung	Lớp	Người	Lớp	Người	Số cuộc	Số đơn vị	Số cuộc	Số đơn vị		Kiểm điểm, rút kinh nghiệm			Hành chính			Đã kiểm điểm, rút kinh nghiệm		Đã xử lý hành chính	
												Tổ chức	Cá nhân		Tổ chức	Cá nhân		Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
Tổng																					

..., ngày tháng năm

Lưu ý:

- Đối với việc tổ chức tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật và thanh tra trách nhiệm về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng nếu thực hiện ghép 2, hoặc 3 nội dung (thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng) thì chỉ thống kê 01 lần ở cột (5), (6), (đối với tập huấn, tuyên truyền, phổ biến) và ở cột (9) và (10), (đối với thanh tra, kiểm tra trách nhiệm), sau đó giải thích ở phần ghi chú.

- Cột "Đơn vị" để các sở, huyện, thành phố thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

TÊN ĐƠN VỊ:.....

Biểu số 1g

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, XỬ LÝ THAM NHŨNG PHÁT HIỆN QUA CÔNG TÁC CỦA NGÀNH THANH TRA
(số liệu tính từ ngày...../.../.....đến.....ngày.../.../.....)

Đơn vị phát hiện	Số vụ	Số người	Tài sản tham nhũng				Kiến nghị thu hồi				Đã thu				Kiến nghị xử lý				Kết quả xử lý				Xử lý trách nhiệm người đứng đầu		Ghi chú
			Tổng tiền (Trđ)	Tiền (Trđ)	Tài sản khác (quy đổi ra tiền Trđ)	Đất (m ²)	Tổng tiền (Trđ)	Tiền (Trđ)	Tài sản khác (quy đổi ra tiền Trđ)	Đất (m ²)	Tổng tiền (Trđ)	Tiền (Trđ)	Tài sản khác (quy đổi ra tiền Trđ)	Đất (m ²)	Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố		Kiến nghị	Đã xử lý	
															Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đổi tượng	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đổi tượng			
MS	1	2	3=4+5	4	5	6	7=8+9	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
Tổng																									

..., ngày tháng năm

- Lưu ý:**
- Cột "đơn vị phát hiện" ghi cụ thể tên đơn vị phát hiện tham nhũng
 - Nếu cột 23 có nội dung trùng cột 16, 18; cột 24 có nội dung trùng cột 20, 22 thì cần ghi chú và giải thích.

TÊN ĐƠN VỊ:.....

Biểu số 2a

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN
(số liệu tính từ ngày...../...../.....đến.....ngày...../...../.....)

Đơn vị	Tiếp thường xuyên								Tiếp định kỳ và đột xuất của Lãnh đạo								Nội dung tiếp công dân (số vụ việc)										Kết quả qua tiếp dân (số vụ việc)				
	Lượt	Người	Vụ việc			Đoàn đông người			Lượt	Người	Vụ việc			Đoàn đông người			Khiếu nại					Tố cáo			Phản ánh, kiến nghị, khác	Chưa được giải quyết	Đã được giải quyết			Ghi chú	
			Cũ	Mới phát sinh	Số đoàn	Người	Vụ việc				Cũ	Mới phát sinh	Số đoàn	Người	Lĩnh vực hành chính				Lĩnh vực tư pháp	Lĩnh vực CT, VH, XH khác	Lĩnh vực hành chính	Lĩnh vực tư pháp	Tham nhũng	Chưa có QĐ giải quyết			Đã có QĐ giải quyết (lần 1, 2, cuối cùng)	Đã có bản án của Tòa			
							Cũ	Mới phát sinh							Về tranh chấp, đòi đất cũ, đền bù, giải tỏa...	Về chính sách	Về nhà, tài sản	Về chế độ CC, VC													
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
Tổng																															

..., ngày tháng năm

Lưu ý:

- Số liệu đã thống kê ở các cột từ cột 1 đến cột 8 thì không thống kê lại vào các cột từ cột 9 đến cột 16
- Cột "Đơn vị" để các sở, huyện, thành phố thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

Lưu ý thêm:

- Số vụ việc >= số đơn
- Cột (3) + Cột (4) + cột (7) + cột (8) + cột (11) + cột (12) + cột (15) + cột (16) = Tổng số nội dung vụ việc từ (17) đến (26) = Tổng số kết quả vụ việc từ cột (27) đến (30)

TÊN ĐƠN VỊ:.....

Biểu số 2b

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN THU KHIẾU NẠI, TỐ CÁO
(số liệu tính từ ngày...../...../.....đến.....ngày...../...../.....)

Đơn vị	Tiếp nhận					Phân loại đơn khiếu nại, tố cáo (số đơn)															Đơn khác (kiến nghị, phản ánh, đơn nặc danh)	Kết quả xử lý đơn khiếu nại, tố cáo					Ghi chú					
	Tổng số đơn	Đơn tiếp nhận trong kỳ		Đơn kỳ trước chuyển sang		Theo nội dung										Theo thẩm quyền giải quyết			Theo trình tự giải quyết			Đơn thuộc thẩm quyền										
		Khiếu nại					Tố cáo					Của các cơ quan hành chính các cấp	Của cơ quan tư pháp các cấp	Của cơ quan Đảng	Chưa được giải quyết	Đã được giải quyết lần đầu	Đã được giải quyết nhiều lần	Số văn bản hướng dẫn	Số đơn chuyển cơ quan có thẩm quyền	Số công văn đơn đốc việc giải quyết			Đơn thuộc thẩm quyền									
		Lĩnh vực hành chính					Lĩnh vực tư pháp	Về Đảng	Tổng	Lĩnh vực hành chính	Lĩnh vực tư pháp												Tham nhũng	Về Đảng	Lĩnh vực khác	Khiếu nại		Tố cáo				
		Tổng	Liên quan đến đất đai	Về nhà, tài sản	Về chính sách, chế độ CC,VC	Lĩnh vực CT,VH, XH khác																										
MS	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6	7=8+9+10+11+12+13	8	9	10	11	12	13	14=15+16+17+18+19	15	16	17				18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
Tổng																																

..... ngày tháng năm

Lưu ý:

- Tổng đơn cột số (7) + cột (12)+ cột (13) + cột (14) = Tổng số đơn từ cột (20) đến cột (22) = Tổng số đơn từ cột (23) đến cột (25)
- Cột (6) đủ điều kiện xử lý là loại đơn không trùng lặp, có danh và rõ nội dung, địa chỉ
- Cột "Đơn vị" đề các sở, huyện, thành phố thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

Lưu ý thêm

- Cột (6) = cột (7) + cột (12) + cột (13) + cột (14) + cột (26)
- Cột (7) + cột (12) + cột (13) + cột (14) = cột (27) + cột (28) + cột (30) + cột (31)

TÊN ĐƠN VỊ:.....

Biểu số 2c

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT ĐƠN KHIẾU NẠI
(số liệu tính từ ngày.....đến.....ngày.....)

Đơn vị	Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền				Kết quả giải quyết														Chấp hành thời gian giải quyết theo quy định		Việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại								Ghi chú									
	Trong đó		Đã giải quyết		Phân tích kết quả (vụ việc)				Kiến nghị thu hồi cho Nhà nước		Trả lại cho công dân		Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra, khởi tố		Số vụ việc giải quyết đúng thời hạn		Số vụ việc giải quyết quá thời hạn		Tổng số quyết định phải tố chức thực hiện trong kỳ báo cáo	Đã thực hiện	Thu hồi cho nhà nước		Trả lại cho công dân													
	Đơn nhận trong kỳ báo cáo	Đơn tồn kỹ trước chuyển sang	Tổng số vụ việc	Số đơn thuộc thẩm quyền	Số vụ việc thuộc thẩm quyền	Số vụ việc giải quyết bằng QĐ hành chính	Số vụ việc rút đơn thông qua giải thích, thuyết phục	Khiếu nại đúng	Khiếu nại sai	Khiếu nại đúng một phần	Giải quyết lần 1	Giải quyết lần 2		Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Số người được trả lại quyền lợi	Tổng số người	Số người đã bị xử lý			Số vụ	Số đối tượng	Kết quả		Số vụ việc giải quyết đúng thời hạn	Số vụ việc giải quyết quá thời hạn		Đã thực hiện	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)		
												Công nhận QĐ g/q lần 1	Hủy, sửa QĐ g/q lần 1								Số vụ đã khởi tố	Số đối tượng đã khởi tố			Tiền (Trđ)	Đất (m ²)											Tiền (Trđ)	Đất (m ²)
MS	1=2+3	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38
Tổng																																						

Lưu ý:

- Đối với các ngành quản lý ngành dọc ở địa phương không tổng hợp
- Cột "Đơn vị" để các sở, huyện, thành phố thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

... ngày tháng năm

TÊN ĐƠN VỊ:.....

Biểu số 2d

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT ĐƠN TỐ CÁO
(số liệu tính từ ngày...../...../.....đến.....ngày...../...../.....)

Đơn vị	Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền				Kết quả giải quyết										Chấp hành thời gian giải quyết theo quy định		Việc thi hành quyết định xử lý tố cáo								Ghi chú								
	Tổng số đơn tố cáo	Trong đó			Đã giải quyết		Phân tích kết quả (vụ việc)			Kiến nghị thu hồi cho Nhà nước		Trả lại cho công dân		Chuyển cơ quan điều tra, khởi tố				Thu hồi cho nhà nước				Trả lại cho công dân											
		Đơn nhận trong kỳ báo cáo	Đơn tồn kỳ trước chuyển sang	Tổng số vụ việc										Kiến nghị xử lý hành chính			Số vụ									Kết quả		Phải thu		Đã thu		Phải trả	
					Số đơn thuộc thẩm quyền	Số vụ việc thuộc thẩm quyền	Tố cáo đúng	Tố cáo sai	Tố cáo đúng một phần	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Số người được bảo vệ quyền lợi	Tổng số người	Số người đã bị xử lý	Số vụ tuyen g	Số vụ đã khởi tố	Số vụ tuyen g	Số vụ đã khởi tố	Số vụ việc giải quyết đúng thời hạn	Số vụ việc giải quyết quá thời hạn	Tổng số quyết định phải tổ chức thực hiện trong kỳ báo cáo	Đã thực hiện xong		Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)
MS	1=2+3	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33
Tổng																																	

Lưu ý:

- Đối với các ngành quản lý ngành dọc ở địa phương không tổng hợp
- Cột "Đơn vị" để các sở, huyện, thành phố thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

..., ngày tháng năm

TÊN ĐƠN VỊ:.....

Biểu số 2đ

CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO
(số liệu tính từ ngày...../...../.....đến.....ngày...../...../.....)

Đơn vị	Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo (Bộ, ngành, tỉnh, TP) về công tác KNTC		Tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về KNTC cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân		Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm						Kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra trách nhiệm, quyết định xử lý				Ghi chú		
	Số văn bản ban hành mới	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung	Pháp luật về KNTC		Thực hiện pháp luật về KNTC		Số đơn vị có vi phạm	Kiến nghị xử lý				Tổng số KLTT và QĐ xử lý đã kiểm tra	Kết quả kiểm tra				
			Lớp	Người	Số cuộc	Số đơn vị		Kiểm điểm, rút kinh nghiệm		Hành chính			Đã kiểm điểm, rút kinh nghiệm			Đã xử lý hành chính	
								Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân		Tổ chức	Cá nhân		Tổ chức	Cá nhân
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Tổng																	

..., ngày tháng năm

Lưu ý:

- Đối với các ngành quản lý ngành dọc ở địa phương không tổng hợp
- Cột "Đơn vị" để các sở, huyện, thành phố thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

